

KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2024  
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân )

Dvt: đồng

| Nội dung                                      | ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2023 |            |                        | KẾ HOẠCH NĂM 2024 |            |                        |
|-----------------------------------------------|------------------------|------------|------------------------|-------------------|------------|------------------------|
|                                               | Thu                    | Chi        | Chênh lệch<br>(+), (-) | Thu               | Chi        | Chênh lệch<br>(+), (-) |
| TỔNG SỐ                                       |                        |            |                        |                   |            |                        |
| 1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách | 68.901.595             | 43.937.000 | 24.964.595             | 76.000.000        | 76.000.000 | -                      |
| - Quỹ vì người nghèo                          | 62.524.623             | 39.437.000 | 23.087.623             | 70.000.000        | 70.000.000 | -                      |
| - Đền ơn đáp nghĩa                            | 6.376.972              | 4.500.000  | 1.876.972              | 6.000.000         | 6.000.000  | -                      |
| Quỹ người cao tuổi                            | 2.000.000              | 1.500.000  | 500.000                | 2.000.000         | 2.000.000  | -                      |
| Quỹ Bảo trợ trẻ em                            | 9.404.000              | 5.600.000  | 3.804.000              | 9.000.000         | 9.000.000  | -                      |
| 2. Các hoạt động sự nghiệp                    |                        |            |                        |                   |            |                        |
| - Chợ                                         |                        |            |                        |                   |            |                        |
| - Bến bãi                                     |                        |            |                        |                   |            |                        |
| 3. Các quỹ khác                               | 9.193.600              | 5.400.000  | 3.793.600              | 10.000.000        | 10.000.000 | -                      |
| - Quỹ phòng chống thiên tai                   | 9.193.600              | 5.400.000  | 3.793.600              | 10.000.000        | 10.000.000 | -                      |
| .....                                         |                        |            |                        |                   |            |                        |

|  |
|--|
|  |
|  |
|  |